

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024”

**BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
MẪU CỐ ĐỊNH ĐỢT 1**

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ: ThS VŨ QUỐC CHÍNH

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Hà Nội, ngày 2 tháng 2 năm 2024

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp” năm 2024

**BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
MẪU CỐ ĐỊNH ĐỢT 1**

CƠ QUAN THỰC HIỆN
CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS Vũ Quốc Chính

Thông tin chung

Nhiệm vụ “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024” do Cục Thủy lợi quản lý. Đơn vị thực hiện là Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam. Các nội dung chính nhiệm vụ thực hiện năm 2024, gồm: (i) Lấy mẫu quan trắc chất lượng nước 9 đợt tại 15 vị trí vào các tháng 2, 3, 4, 7 (2 đợt/tháng) và 8 (1 đợt); (ii) Dự báo các chỉ tiêu DO, BOD₅ và NH₄⁺ theo tuần/tháng tại các vị trí lấy mẫu trong tháng quan trắc. Kết quả quan trắc và dự báo được xây dựng thành các bản tin, gửi cho đơn vị quản lý và các đơn KTCTTL tại các địa phương vùng dự án.

Bản tin kết quả quan trắc hiện trường đợt 1 lấy mẫu ngày 1/2/2024. Nội dung gồm: Tình trạng đóng mở cống, chế độ dòng chảy, tình trạng chất thải, màu, mùi; kết quả đo các chỉ tiêu ngoài hiện trường (nhiệt độ, pH, DO) và những khuyến cáo chất lượng nước phục vụ SXNN.

Hà Nội, ngày 2 tháng 2 năm 2024

BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG MẪU CỔ ĐỊNH ĐỢT 1

1. Nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

2. Ngày quan trắc: 1/2/2024

Ngày cung cấp TT: 2/2/2024

3. Tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu:

- Mẫu lấy ngày 1/2/2024 vào giai đoạn hệ thống trữ nước đệm, lấy nước tối đa vào hệ thống. Thời điểm lấy mẫu sau khi kết thúc đợt 1 hồ thủy điện xả nước phục vụ cho công tác đờ ải và cấy lúa Chiêm Xuân được 3 ngày (Đợt 1, từ 0h ngày 23/1 đến 24h ngày 28/1/2024 – Rút ngắn 2 ngày so với kế hoạch). Trên đồng ruộng, tại một số khu vực huyện Mỹ Hòa, người dân đang cấy trà lúa chiêm. Thời điểm này Công ty KTCTTL Bắc Hưng Hải điều hành quy trình vận hành hệ thống như sau: Xuân Quan trữ nước hạ lưu; Báo Đáp, Kênh Cầu, Lục Điền, cống Tranh mở thông; Neo, Bá Thủy trữ nước thượng lưu; Cầu Xe, An Thổ; Cầu Cát lấy nước ngược và phục vụ giao thông thủy.

- Tại thời điểm lấy mẫu, tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu như sau: Cống Xuân Quan, Bá Thủy, An Thổ, Neo, Lục Điền, cống Tranh và Âu Cầu Cát đóng kín; Kênh Cầu mở thông. Các cống tiêu Xuân Thụy mở đáy 4 cửa; Ngọc Lâm, Phần Hà đóng kín; Ngọc Đà và Bình Lâu mở thông.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 15 (Có danh sách kèm theo)

5. Đơn vị thực hiện: Viện Nước, Tưới tiêu và MT

Người cung cấp thông tin: ThS Vũ Quốc Chính- Chủ nhiệm nhiệm vụ

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi và các đơn vị khai thác CTTL trong vùng:

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 1 (So sánh với QCVN 08 :2023/BTNMT cột B)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
1	BHH 1	Cống Xuân Quan	- Kiểm tra nước sông Hồng trước khi chảy vào hệ thống BHH - Nguồn nước có thể bị ảnh hưởng bởi nước ô nhiễm từ cống Xuân Thụy	- Cống đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mức nước TL = 55cm; HL = 88 cm; - Nước có màu xanh nhạt, không mùi, không rác thải.	19,1	6,53	5,8	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy, trữ nước vào hệ thống. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng và ao sinh học thả bèo.
2	BHH2	Cống Xuân	- Kiểm tra nước sông Cầu Bậy trước khi chảy ra sông	- Mở đáy 4 cửa, dòng chảy yếu. Mức nước TL = 120	18,5	6,19	1,5	- DO < 2 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
		Thụy	Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp quận Long Biên và Gia Lâm.	cm; HL = 119 cm; - Nước có màu đen, mùi hôi thối, nhiều rác thải.				- Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS. Tăng cường lấy nước qua các trạm bơm lấy nước từ sông Kim Sơn. Không nên mở cống Xuân Thụy vào thời điểm lấy nước phục vụ sản xuất.
3	BHH3	Cầu Như Quỳnh	- Kiểm tra nước sông Đĩnh Dù cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Lâm (Hưng Yên) và huyện Thuận Thành (Bắc Ninh) qua TB Như Quỳnh - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt khu vực TT Như Quỳnh, nước thải các KCN: Như Quỳnh A, Như Quỳnh B và Tân Quang	- Dòng chảy yếu theo hướng từ TB như Quỳnh về cầu Tăng Bảo ra sông Kim Sơn. - Nước xám đen, mùi hôi thối, nhiều rác thải nổi trên sông.	18,9	6,15	2,8	- DO < 3 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể chết hoặc ảnh hưởng đến sinh trưởng. - Có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước cho NTTS.
4	BHH4	Cống kênh Cầu	- Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Giang và hạ lưu phía Bắc hệ thống. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của các nguồn thải khu vực Gia Lâm, Long Biên xả qua cống Xuân Thụy; Nước thải KCN Như Quỳnh từ sông Đĩnh Dù ra sông Kim Sơn tại cầu Tăng Bảo	- Cống mở thông, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mực nước TL= HL =118 cm; - Nước màu xám đen, không mùi, nhiều rác thải, trên mặt nổi nhiều váng dầu.	18,2	6,19	4,1	- DO < 5 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Lấy và trữ nước được cho SXNN. - Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng và ao sinh học thả bèo. Đồng thời tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
5	BHH5	Cống Ngọc Đà	- Kiểm tra nước kênh Kiên Thành tiêu ra sông Đĩnh Dù. - Bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp khu Tân Quang, Như Quỳnh A,	- Cống mở thông 2 cửa, dòng chảy trung bình. - Nước trên kênh có màu đen, mùi hôi thối, không rác thải. Hạ lưu sau cống,	19,0	6,14	1,6	- DO < 2 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết. - Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS; - Không nên mở cống Ngọc Đà ra sông

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			Phú Thụy, Trâu Quỳ.	nồi nhiều bọt trắng.				Đình Dừ vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN
6	BHH6	Cổng Ngọc Lâm	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước sông Cầu Lường trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Minh Đức, các doanh nghiệp ven sông Cầu Lường ở xã Ngọc Lâm, Xuân Dục, Bạch Sam (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên). 	<ul style="list-style-type: none"> - Mặt nước tĩnh không có dòng chảy. - Nước màu xanh lụcmùi hơi hôi, không rác thải. 	18,3	6,26	3,4	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Có thể lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng và ao sinh học thả bèo. Đồng thời tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
7	BHH7	Cổng Phần Hà	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước kênh Trần Thành Ngọ trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Dệt may phố Nối, KCN Thăng Long 2, nước thải sinh hoạt và các doanh nghiệp dọc đường 5, làng nghề thu gom phế liệu Phan Bôi của xã Dị Sử (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cống đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. - Nước màu xám đen, mùi hôi, nhiều rác thải trước cống. Nước bơm lấy ở ngoài cống nổi bọt trắng mùi hôi 	19,1	6,22	2,9	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 3 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể chết hoặc ảnh hưởng đến sinh trưởng. - Có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước cho NTTS.
8	BHH8	Cổng Bá Thủy	<ul style="list-style-type: none"> - Nước sông Kim Sơn chảy vào sông Đình Đào, cấp nước tưới cho huyện Bình Giang, Thanh Miện, Gia Lộc, tỉnh Hải Dương - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cống đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mực nước TL= 119 cm; HL= 105 cm. - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ. Nhiều bèo tây và rác thải trước cống. 	18,1	6,30	4,8	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 5 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Lấy và trữ nước được cho SXNN. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng và ao sinh học thả bèo.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
9	BHH9	Cổng Bình Lâu	Tiêu nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn.	- Cổng mở, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. - Nước màu đen, mùi hôi thối, nhiều rác thải	19,0	6,19	1,9	- DO < 2mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết. - Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS - Không nên mở cổng Bình Lâu ra sông Kim Sơn vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN;
10	BHH10	Cổng Cầu Cát	- Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực TP Hải Dương, huyện Tứ Kỳ và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước tiêu TP Hải Dương.	- Cổng đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mục nước TL= 123, HL= 49 cm. - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, có rác thải.	18,6	6,35	5,0	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng và ao sinh học thả bèo.
11	BHH11	Cổng An Thổ	Kiểm tra nước sông An Thổ cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du Ninh Giang, và nước tiêu hệ thống ra sông Luộc.	- Cổng đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mục nước TL= 100 m; HL= 73 cm - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, nhiều bào và rác thải, có váng đen nổi trên mặt.	18,6	6,18	5,1	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước vào hệ thống. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng và ao sinh học thả bèo.
12	BHH12	Cổng Cầu Xe	Kiểm tra nước sông Cầu Xe cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du huyện Ninh Giang và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình.	- Cổng đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mục nước TL= 101m; HL= 75 cm - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, có rác thải.	18,9	6,26	5,8	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước vào hệ thống. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng và ao sinh học thả bèo.
13	BHH13	Cổng Lực Điền	Kiểm tra nước sông Kim Sơn chảy vào sông Điện Biên	- Cổng đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy.	18,8	6,36	4,4	- DO < 5 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường				Khuyến cáo
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH	DO (mg/l)	
				Mức nước TL= HL =118 cm. - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, ngoài cống nhiều rác thải.				- Lấy và trữ nước được SXNN. - Có thể lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng và ao sinh học thả bèo. Đồng thời tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
14	BHH14	Cống Bằng Ngang	- Kiểm tra nước sông Điện Biên cấp cho SXNN và NTTS các xã phía Bắc huyện Kim Động, phía nam huyện Khoái Châu. - Nguồn nước bị ảnh hưởng nước thải sinh hoạt dân cư và nước tiêu SXNN.	- Mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. - Nước màu vàng đục, không có mùi lạ, nhiều rác thải.	18,6	6,02	4,1	- DO < 5 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Lấy và trữ nước được SXNN. - Có thể lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng và ao sinh học thả bèo. Đồng thời tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
15	BHH15	Cống Neo	- Kiểm tra nước sông Cừ An trước khi chảy vào địa giới tỉnh Hải Dương. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước tiêu tỉnh Hưng Yên.	- Cống đóng kín, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mức nước TL= 99 cm; HL= 97cm - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, nhiều bèo và rác thải, mặt nước có váng vàng.	18,7	6,11	5,2	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng và ao sinh học thả bèo trước khi cấp cho ao nuôi.
QCVN 08:2023/BTNMT, mức B - Bảng 2				-	-	6,0-8,5	≥5	-

Ghi chú: QCVN08-MT:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, trong đó

- Mức B, Bảng 2: Chất lượng nước trung bình. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.